**SẢN PHẨM TẬP HUẤN HUYỆN LỤC NAM**

**KHUNG MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I LỚP 7 – MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **chủ đề** | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | | | **Vận dụng**  **(TL)** | | **Vận dụng cao**  **(TL)** | |  |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |  |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | | | | | | |
| **1** | **Châu Âu** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  – Đặc điểm tự nhiên  – Đặc điểm dân cư, xã hội  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | 6TN\* |  |  | 1 Tl\* (0,5 điểm) | |  | 1 TL (1,0 điểm) |  | 1 TL (0,5 điểm) | **3,5 điểm** |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| **2** | **Châu Á** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  – Đặc điểm tự nhiên | 2TN\* |  |  | 1 TL (1,0 điểm) | |  |  |  |  | **1,5 điểm** |
|  |  |  |  |  | |  |  |  |  |  |
| **3** | **Tổng điểm** |  | 2,0 |  |  | 1,5 | |  | 1,0 |  | 0,5 |  |
| ***Tỉ lệ*** | | |  | | ***15%*** | | | ***10%*** | | ***5%*** | |  |
|  | | | | | | | | | | | | |

***c) Hướng dẫn xây dựng***

- Mỗi phân môn được tính 50% số điểm. Tỉ lệ các MĐNT của hai phân môn bằng nhau.

- Chủ đề liên môn được phân công dạy ở phân môn thì được kiểm tra tích hợp vào phân môn đó.

*-* Tỉ lệ điểm của chủ đề A + chủ đề B + ....+ cộng chủ đề n = 50% tổng điểm (5,0 điểm).

- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

**BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I**

**MÔN: LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÍ. Lớp 7**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/**  **Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | |
| ***Nhận biết*** | ***Thông hiểu*** | ***Vận dụng*** | ***Vận dụng cao*** |
| **Phân môn Địa lí** | | | | | | | |
| 1 | **Châu Âu)**  **(75%-3,5 điểm)** | - Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  -Đặc điểm tự nhiên  - Đặc điểm dân cư, xã hội  – Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  – Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  – Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).  – Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu.  **Thông hiểu**  – Phân tích được đặc điểm các khu vực địa hình chính của châu Âu: khu vực đồng bằng, khu vực miền núi.  – Phân tích được đặc điểm phân hoá khí hậu: phân hóa bắc nam; các khu vực ven biển với bên trong lục địa.  – Nêu được dẫn chứng về Liên minh châu Âu (EU) như một trong bốn trung tâm kinh tế lớn trên thế giới.  **Vận dụng**  – Lựa chọn và trình bày được một vấn đề bảo vệ môi trường ở châu Âu.  **Vận dụng cao**  Nêu được mối quan hệ giữa VN với EU: mặt hàng XNK | 6TN\* | 1 TL\* (0,5đ ) ( Phần a câu 2) | 1 TL (1,0đ) ( Ý 1 phần b câu 2) | 1 TL(0,5đ)  ( Ý 2 phần b câu 2) |
|  |  |  |  |  |  |
| 2 | **Châu Á**  **(25%-1,5 điểm)** | – Vị trí địa lí, phạm vi châu Á.  – Đặc điểm tự nhiên. | **Nhận biết**  – Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  – Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  – Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  **Thông hiểu**  – Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên. | 2TN\* | 1TL (1,0đ) (câu 1) |  |  |
| 3 | Chủ đề n |  |  |  |  |  |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 TL | 1 câu TL | 1 câu TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20 (2 điểm)*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | |
| 1 | Chủ đề A | Nội dung 1: ........... | **Nhận biết**  **Thông hiểu**  **Vận dụng**  **Vận dụng cao** |  |  |  |  |
| Nội dung 2. ............. |  |  |  |  |  |
| Nội dung n. ............. |  |  |  |  |  |
| 2 | Chủ đề B |  |  |  |  |  |  |
| 3 | Chủ đề n |  |  |  |  |  |  |
| Số câu/ loại câu | | |  | 8 câu TNKQ | 1 câu TL | 1 câu (a) TL | 1 câu (b) TL |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***20*** | ***15*** | ***10*** | ***5*** |
| **Tổng hợp chung** | | |  | **40%** | **30%** | **20%** | **10%** |

***c) Hướng dẫn xây dựng***

- Với câu hỏi mức độ nhận biết thì mỗi câu hỏi cần được ra ở một chỉ báo của mức độ mô tả cần kiểm tra, đánh giá tương ứng (1 gạch đầu dòng thuộc mức độ đó).

- Các câu hỏi ở mức độ nhận biết nên kiểm tra bằng dạng câu hỏi TNKQ; các mức độ khác kiểm tra bằng dạng câu hỏi tự luận.

- Với nhiều nội dung ở cùng 01 mức độ nhận thức, lựa chọn nội dung kiểm tra bằng cách chọn dấu \* nghĩa chọn cho trường hợp (hoặc).

- Nội dung kiểm tra cuối kì bao gồm nội dung học toàn học kì, những nội dung kiểm tra giữa kì được tính không quá 10% số điểm và chỉ kiểm tra ở mức độ nhận biết.

